TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 259/2024/DS-ST
Ngày: 25/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giàu
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Triều Xuân
2. Ông Huỳnh Ngọc Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 1 Rạch C, Phường A, Quận H , Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1966 (vắng mặt không lý do)
Địa chỉ: C L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị B, sinh năm 1970 (vắng mặt không lý do)
Địa chỉ: C L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim S tại phiên tòa có nội dung như sau:

Ngày 25/01/2021, ông V mượn của bà S số tiền là 1.600.000.000 đồng. Ngày 26/8/2022 ông V mượn số tiền là 400.000.000 đồng, ngày 01/12/2022 mượn thêm số tiền 500.000.000 đồng. Tổng cộng theo giấy mượn tiền ngày 01/12/2022 là 2.500.000.000 đồng, thời hạn 01 năm, lãi suất 1%/tháng. Đã quá thời hạn nhưng ông V không thanh toán tiền gốc và tiền lãi. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc V và bà Lê Thị B hoàn trả số tiền 2.500.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm tố tụng. Nội dung vụ án: việc khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền vay là có cơ sở theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại Quận H. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8.

[2] Ông Nguyễn Ngọc V và bà Lê Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Theo giấy mượn tiền ngày 01/12/2022, ông Nguyễn Ngọc V có vay của bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1%/tháng. Trong quá trình vay ông V không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà S như thỏa thuận. Đây là giao dịch dân sự có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 119, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Đã quá thời hạn như thỏa thuận mà ông V và bà B chưa trả tiền, bà S yêu cầu ông V và bà B trả số tiền gốc 2.500.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án.

[5] Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 119, Điều 463, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim S.

1.1. Ông Nguyễn Ngọc V và bà Lê Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim S số tiền là 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc trả tiền như bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 82.000.000 đồng.

2.1. Ông Nguyễn Ngọc V phải chịu án phí số tiền là 82.000.000 (Tám mươi hai triệu) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim S đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014), người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM.
- *VKSND Q8.*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Q8.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu: VT, hs.*

Lê Văn Giàu